

**BỔ SUNG LOÀI *Hygrophila episcopalis* R. Ben. (R. Ben.) -
HỌ Ô RÔ (ACANTHACEAE) CHO HỆ THỰC VẬT VIỆT NAM**

Đỗ Văn Hải*, Dương Đức Huyền

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, (*)dovanhaiebr@gmail.com

TÓM TẮT: Theo các tài liệu trước đây, loài hạt phóng cam bốt - *Hygrophila episcopalis* chi phân bố ở Campuchia. Trong quá trình nghiên cứu chúng tôi đã thu được mẫu vật của loài này tại ở Vườn quốc gia Yok Đôn, tỉnh Đắk Lắk. Đây là một loài được ghi nhận mới cho hệ thực vật Việt Nam và nâng số loài hiện biết của chi này ở Việt Nam lên 9 loài. Bài báo này lần đầu tiên xây dựng khóa định loại 9 loài thuộc chi *Hygrophila*.

Từ khóa: Acanthaceae, *Hygrophila*, Đắk Lắk, Việt Nam.

MỞ ĐẦU

Trên thế giới, chi *Hygrophila* có khoảng 100 loài, phân bố rộng ở khu vực nhiệt đới và cận nhiệt đới [6], chủ yếu mọc ở vùng ẩm ướt hoặc ven đầm lầy. Benoist (1935) [3] đã ghi nhận có 6 loài thuộc chi này ở Đông Dương. Theo Trần Kim Liên (2005) [1], chi này có 8 loài ở Việt Nam. Khi nghiên cứu các mẫu vật của chi *Hygrophila* lưu giữ tại Phòng tiêu bản thực vật của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (HN), cũng như so sánh đặc điểm hình thái với các mẫu vật thuộc họ Ô rô (Acanthaceae) được lưu giữ tại các phòng tiêu bản thực vật lớn của Trung Quốc là Viện thực vật Côn Minh (KUN), Viện thực vật Quảng Tây (IBK), Vườn thực vật Hoa Nam (IBSC) và Bảo tàng Lịch sử tự nhiên Paris (NMNH), lần đầu tiên chúng tôi phát hiện loài *Hygrophila episcopalis* có ở Việt Nam. Các mẫu vật thuộc loài này được chúng tôi thu tại Vườn quốc gia Yok Đôn, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk và hiện được lưu giữ tại phòng Tiêu bản thực vật của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (HN). Trong bài báo này, chúng tôi mô tả và ghi nhận mới loài *Hygrophila episcopalis* cho hệ thực vật Việt

Nam. Như vậy, tổng số loài của chi *Hygrophila* hiện biết ở Việt Nam là 9 loài.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Khi nghiên cứu phân loại chi *Hygrophila* ở Việt Nam, chúng tôi đã áp dụng phương pháp so sánh hình thái để xác định các taxon. Những mẫu vật của Việt Nam được phân tích và so sánh với các mẫu vật đã được xác định của các phòng tiêu bản ở Trung Quốc cũng như so sánh với loài chuẩn (typus) của loài này hiện được lưu giữ ở Bảo tàng Lịch sử tự nhiên Paris (NMNH). Mẫu vật nghiên cứu là các mẫu mang số hiệu PTV 336 do Đỗ Văn Hải thu ngày 23/2/2010, tại tọa độ N12°54'58" - E107°44'56" thuộc vườn quốc gia Yok Đôn, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk, hiện đang được lưu giữ tại phòng Tiêu bản thực vật của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (HN).

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Dưới đây là khóa định loại 9 loài của chi *Hygrophila* ở Việt Nam và thông tin về loài *Hygrophila episcopalis*

Khóa định loại các loài thuộc chi *Hygrophila* ở Việt Nam

- 1A. Hoa mọc đơn độc hoặc thành cụm hoa dạng bông.
 2A. Nhị hữu thụ 2 1. *H. polysperma*
 2B. Nhị hữu thụ 4.
 3A. Cụm hoa dạng bông ở đầu cành 2. *H. biplicata*
 3B. Hoa mọc đơn độc ở nách lá.
 4A. Thân có gai; 5 thùy đài không bằng nhau 3. *H. auriculata*
 4B. Thân không có gai; 5 thùy đài bằng nhau.

- 5A. Đài hợp đến 1/4 chiều dài 4. *H. incana*
 5B. Đài hợp đến 1/2 chiều dài.
 6A. Phiến lá nhẵn hoặc có lông tơ thưa 5. *H. ringens*
 6B. Phiến lá có lông cứng dày hoặc lông rậm trên cả hai mặt.
 7A. Đài cỡ 0,7 cm; tràng cỡ 1,5 cm 6. *H. erecta*
 7B. Đài cỡ 1,1 cm; tràng 1,8-2,2 cm 7. *H. phlomoides*
- 1B. Cụm hoa kiểu xim hai ngã.
 8A. Phiến lá hình thuôn dài hay hẹp, mép nguyên; hai mặt lá nhẵn 8. *H. stricta*
 8B. Phiến lá hình mác hoặc hình trứng, mép lượn sóng hoặc có răng; có lông tuyến dày trên cả hai mặt 9. *H. Episcopalis*

***Hygrophila episcopalis* R. Ben. (R. Ben.) -
 Hạt phóng cam bột (Hình 1-9)**

R. Ben. 1935. Fl. Gen. Indoch. 4: 644. -
Nomaphila episcopalis R. Ben. 1934. Bull. Soc.
 Bot. France, 81: 600.

Cây thảo. Cành non có lông tuyến mịn, màu vàng, sau nhẵn; có các đường gờ dọc thân già. Lá đơn, mọc đối; cuống lá rất ngắn; phiến lá hình mác, đôi khi hình trứng, cỡ 1-4 × 0,5-1,1 cm, có lông tuyến dày trên cả hai mặt; gốc lá nhọn và phiến men theo cuống; đầu lá nhọn hoặc tù, mép lượn sóng hoặc có răng. Cụm hoa kiểu xim hai ngã, ngắn và mang ít hoa, mọc ở nách lá; cuống cụm hoa có lông tuyến mịn; lá bắc mọc đối, dài cỡ 2-5 mm, kích thước không đều nhau, không cuống, hình trứng-mác hoặc hình mác; lá bắc con 2, mọc đối, hình mác ngắn, đôi khi gần tròn. Đài 5 thùy, xẻ sâu đến gốc, cỡ 1,1 cm, thùy dài hình đường, có lông mịn. Tràng màu tím, cỡ 2 cm; ống tràng hình trụ, miệng ống tràng dạng phễu, mở rộng từ một nửa chiều dài của ống tràng, miệng tràng 2 môi; môi trên 2 thùy, môi dưới 3 thùy, các thùy hình tam giác. Nhị 4, đính ở giữa ống tràng; bao phấn 2 ô, các ô bao phấn đính ngang bằng nhau; chỉ nhị nhẵn. Bầu có lông mịn; vòi nhụy hình đường, có lông dày; núm nhụy nguyên, đầu tù. Quả nang hình đường, dài cỡ 1,6 cm, có lông mịn; mang 30-36 hạt, hạt hình thấu kính (hình 1-9).

Sinh học và sinh thái: Mọc ven suối nơi ẩm dưới tán rừng khộp. Mùa hoa và quả tháng 3-4.

Phân bố: Mới gặp ở Đắk Lắk (Buôn Đôn: vườn quốc gia Yok Đôn). Có ở Campuchia.

Loc. class.: Kratié prov.: Kompong

Svavayou, lit du Prek Péam Tê., 8 février 1929.

Typus: E. Poilane 16305 (P).

Mẫu nghiên cứu: Đắk Lắk, PTV 336 (HN).

KẾT LUẬN

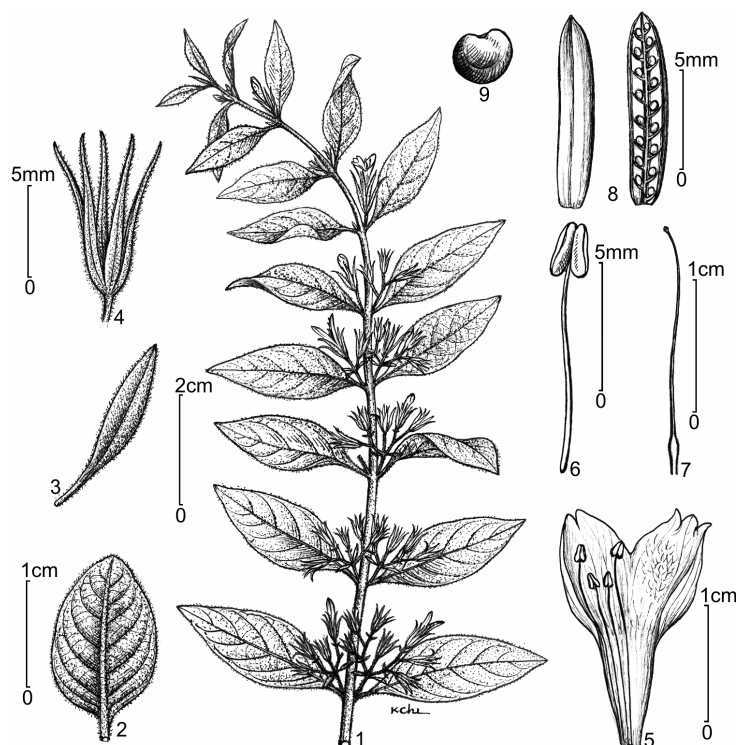
Loài hạt phóng cam bột - *Hygrophila episcopalis* là ghi nhận mới cho hệ thực vật Việt Nam. Như vậy, tổng số loài hiện biết của chi *Hygrophila* ở Việt Nam là 9 loài.

Lời cảm ơn: Chúng tôi xin chân thành cảm ơn dự án “Tiềm năng sinh học của nguyên liệu sinh học ở Việt Nam” đã hỗ trợ về kinh phí cho bài báo này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tiên Bân (chủ biên), 2005. Danh lục các loài thực vật Việt Nam, 3: 251-281. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
2. Benoist R., 1934. Nouvelles Acanthacées d' Indo-Chine. Bulletin de la Societe Botanique de France. Tom 81: 600. Paris.
3. Benoist R., 1935. Flore Générale de l' Indo-Chine, 4: 640-644. Paris.
4. Blumea C. L., 1826. Bijdragen tot de Flora van Nederlandsch Indie, 780-807. Batavia.
5. Brown R., 1810. Prodromus Florae Novae Hollandiae et insulae van Diemen, 1: 472-481. Londini.
6. Deng Y. F., C. C. Hu, T. F. Daniel, J. Wood and J. R. I. Wood, 2011. Flora of China, Vol. 19: 430-432. Science Press, Beijing, and Missouri Botanical Garden Press, St. Louis.

7. Phạm Hoàng Hộ, 2000. Cây cỏ Việt Nam, 3: 40-41. Nxb. Trẻ, tp. Hồ Chí Minh. 8. Lindau G., 1895. Die Natürlichen Pflanzenfamilien, 4(3b): 274-354. Leipzig.



Hình 1-9. *Hygrophila episcopalis* R. Ben. (R. Ben.)

1. Cành mang hoa và quả; 2. Lá (dạng lá khác); 3. Lá bắc; 4. Đài; 5. Tràng mở; 6. Nhị; 7. Bầu và vòi nhụy; 8. Quả; 9. Hạt (người vẽ Lê Kim Chi, vẽ theo mẫu PTV 336 [HN]).

NEW RECORD OF SPECIES *Hygrophila episcopalis* R. Ben. (R. Ben.) (ACANTHACEAE) FOR THE FLORA OF VIETNAM

Do Van Hai, Duong Duc Huyen

Institute of Ecology and Biological Resources, VAST

SUMMARY

The genus *Hygrophila* comprises 100 species in the world and mainly distributed in tropical and subtropical regions. There were 8 species recorded in Vietnam. Specimens of *Hygrophila episcopalis* (Acanthaceae) have been found in Dak Lak province as a new record for the flora of Vietnam, thus so far, there is a total of 9 species of the genus *Hygrophila* R. Br. revealed for the flora of Vietnam.

Hygrophila episcopalis has some the following characters as: leave shortly petiolate, leaf blade lanceolata to ovate-lanceolata, margin crenulate, both surfaces glandular hairs, based obtuse; inflorescences axillary, often dichasium. The key to species of the genus *Hygrophila* from Vietnam is also provided.

These specimens were collected at Buon Don district in Dak Lak province and are kept in the National Herbarium of the Institute of Ecology and Biological Resources, Hanoi, Vietnam (HN).

Keywords: Acanthaceae, *Hygrophila*, Dak Lak, Vietnam.

Ngày nhận bài: 3-10-2011